

Số: **657** /TEDI-CBTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CỦA DOANH NGHIỆP**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Quý cổ đông và các Nhà đầu tư

- Tên giao dịch: Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải-CTCP
- Địa chỉ liên lạc: 278 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, TP Hà Nội
- Điện thoại: (84-4).38514431. Fax: (84-4).38514980. Email: tedi.ctdc@gmail.com.
- Website: www.tedi.vn
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Công Tâm.
- Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động.
- Loại thông tin công bố: ☐ 24h; ☐ 72h; ☐ Yêu cầu; ☐ Bất thường; ☐ Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

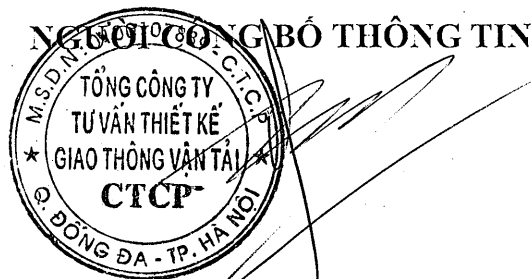
- Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã được kiểm toán

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/c);
- TGD (b/c)
- Website TCT;
- Lưu Tổ CBTT./.



Nguyễn Công Tâm

LƯU CPA VIETNAM

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

LƯU CPA VIETNAM

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5-6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	7-8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP ('sau đây gọi là Tổng Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước, được chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1765/QĐ - BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 25/06/2010, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 09 năm 2010.

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải đã hoàn thành cổ phần hóa, chính thức chuyển thành Công ty cổ phần với tên giao dịch mới là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100107839 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Tên giao dịch quốc tế: TRANSPORT ENGINEERING DESIGN INCOPORATED

Tên viết tắt là: TEDI.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế GTVT - CTCP là 125 tỷ đồng, trong đó:

- Cổ đông là tổ chức bao gồm:
 - Cổ đông trong nước, Công ty Cổ phần xử lý nền và xây dựng FECON nắm giữ 9,35%;
 - Cổ đông nước ngoài, Công ty Oriental Consultants Global Co., nắm giữ 20,262%;
 - Trans Across VP Inc. nắm giữ 0,256%
 - Công đoàn Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP nắm giữ 0,28%;
- Ông Phạm Hữu Sơn nắm giữ 8,5%
- Ông Phạm Trung Thành nắm giữ 20,76%;
- Cổ đông khác nắm giữ 40,59% vốn điều lệ.

Báo cáo tài chính riêng này được tổng hợp từ các Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của 03 đơn vị sau:

- Văn phòng Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP
- Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng;
- Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh).

Văn phòng Tổng Công ty

Văn phòng Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0100107839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Trụ sở chính tại 278 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng

Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 23/QĐ-BGTVT ngày 02/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 511/TCCB - LĐ ngày 26/10/2007 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT về việc thành lập Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải (từ ngày 03/6/2014 chuyển đổi thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT - CTCP).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị kinh tế phụ thuộc doanh nghiệp nhà nước số 0116000151, đăng ký lần hai ngày 29/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Kể từ ngày 03 tháng 06 năm 2014, sau khi Công ty mẹ hoàn thành cổ phần hóa hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp số 0100107839-001, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 8 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 11 tháng 1 năm 2018.

Trụ sở Công ty tại Số 278 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ban Giám đốc Công ty TVTK Kiến trúc Xây dựng

Bà Trần Thị Mai Hương

Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải được thành lập theo Quyết định số 163/TCCB-LĐ ngày 03/5/2001 và Quyết định số 512/TCCB-LĐ ngày 26/10/2007 của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải (từ ngày 03/06/2014 chuyển đổi thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP).

Chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4116001196 đăng ký lần đầu ngày 23/10/2008 (số cũ 315094 ngày 07/9/2001) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp; Sau khi Tổng Công ty hoàn thành cổ phần hóa, Chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký lần đầu số 0100107839-002 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 04 tháng 01 năm 2018.

Trụ sở Chi nhánh tại 15 (bên phải) Hoàng Hoa Thám, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Ban Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Ông Trần Quốc Bảo

Giám đốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị	Ông Hitoshi Yahagi	Chủ tịch
	Ông Phạm Hữu Sơn	Phó Chủ tịch
	Ông Phùng Tiến Trung	Thành viên
	Ông Đỗ Minh Dũng	Thành viên
	Ông Đào Ngọc Vinh	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Hữu Sơn	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Trung Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ban kiểm soát	Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban kiểm soát
	Ông Ngô Nam Hà	Thành viên
	Ông Võ Hoàng Anh	Thành viên
Kế toán Tổng Công ty	Ông Trương Minh Sơn	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hạng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty,



PHẠM HỮU SON

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2020

Số: 203/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính riêng năm 2019
của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP

Kính gửi:**Các Quý Cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông Vận tải-CTCP, được lập ngày 12 tháng 03 năm 2020, từ trang 7 đến trang 48, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

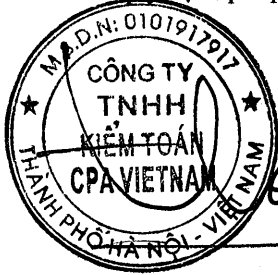
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông Vận tải-CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**Phan Huy Thắng****Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0137-2018-137-1

Nguyễn Thị Ngọc Châm**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network***Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2020*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Code	Note	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		331.316.882.024	290.813.126.801
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	24.565.091.870	48.704.940.463
1. Tiền	111		24.265.091.870	38.704.940.463
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.02	30.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.656.980.329	99.180.454.950
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.03	86.329.115.990	64.887.103.122
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.04	26.029.824.472	22.629.280.966
3. Phải thu khác ngắn hạn	136	5.05	19.763.039.867	15.886.070.862
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.465.000.000)	(4.222.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		151.094.809.825	132.927.731.388
1. Hàng tồn kho	141	5.06	151.094.809.825	132.927.731.388
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		114.599.406.358	121.486.046.326
I. Tài sản cố định	220		50.791.194.071	54.652.174.470
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.07	49.521.642.888	52.818.065.049
- Nguyên giá	222		130.400.276.201	128.800.555.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.878.633.313)	(75.982.490.073)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.08	1.269.551.183	1.834.109.421
- Nguyên giá	228		6.181.869.327	6.065.379.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.912.318.144)	(4.231.269.906)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.02	56.929.043.495	57.847.170.155
1. Đầu tư vào công ty con	251		56.929.043.495	59.052.170.155
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn	254		-	(1.205.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.879.168.792	8.986.701.701
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.09	6.862.666.380	8.963.380.956
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		16.502.412	23.320.745
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		445.916.288.382	412.299.173.127

Mẫu B 01-DN

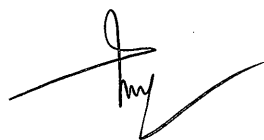
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

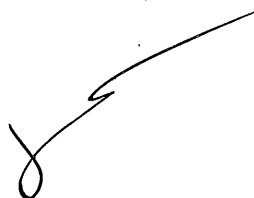
NGUỒN VỐN	Code	Note	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		297.035.555.416	267.088.398.316
I. Nợ ngắn hạn	310		295.808.434.138	263.177.665.034
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	26.483.454.825	25.563.791.774
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	186.649.065.432	110.452.217.174
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.895.632.678	4.259.169.946
4. Phải trả người lao động	314		16.830.829.617	16.984.834.582
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	35.565.482.176	38.018.939.735
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	10.703.605.916	13.816.244.079
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	15.310.689.719	51.389.996.269
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.369.673.775	2.692.471.475
II. Nợ dài hạn	330		1.227.121.278	3.910.733.282
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	1.156.454.628	1.191.194.628
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	-	2.568.872.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		70.666.650	150.666.654
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148.880.732.966	145.210.774.811
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	148.880.732.966	145.210.774.811
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		815.232.000	815.232.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.065.500.966	19.395.542.811
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ			1.012.033.811	-
- trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.053.467.155	19.395.542.811
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		445.916.288.382	412.299.173.127

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2020







Tổng Giám đốc



Tăng Thị Thu Hiền

Trương Minh Sơn

Phạm Hữu Sơn

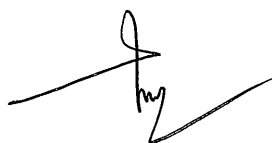
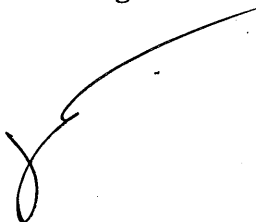
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	367.978.748.210	304.223.836.956
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.02	959.184.201	1.270.926.906
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		367.019.564.009	302.952.910.050
4. Giá vốn hàng bán	11	6.03	287.364.047.783	229.680.909.373
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.655.516.226	73.272.000.677
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.04	13.662.230.508	12.759.696.519
7. Chi phí tài chính	22	6.05	4.697.053.216	3.414.593.714
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.797.423.936	2.187.324.430
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	63.123.116.403	60.911.439.885
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.497.577.115	21.705.663.597
11. Thu nhập khác	31		331.065.752	936.328.219
12. Chi phí khác	32		423.057.094	919.018.887
13. Lợi nhuận khác	40	6.07	(91.991.342)	17.309.332
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.405.585.773	21.722.972.929
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.08	3.195.300.285	2.320.611.785
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.818.333	6.818.333
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.203.467.155	19.395.542.811

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Tổng Giám đốc



Tăng Thị Thu Hiền

Trương Minh Sơn

Phạm Hữu Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

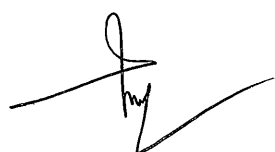
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

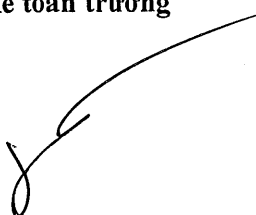
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		455.751.736.264	285.930.253.007
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(210.430.937.769)	(150.314.188.363)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(98.885.388.976)	(88.871.437.093)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.956.483.613)	(1.915.724.386)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.331.759.266)	(4.733.519.150)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.263.993.299	9.403.942.787
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(107.353.498.637)	(92.616.116.974)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.057.661.302	(43.116.790.172)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.575.625.237)	(10.060.404.801)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(35.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	50.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(941.253.000)	(1.783.451.500)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.863.810.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.694.080.949	11.058.128.295
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.958.987.288)	14.214.271.994
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		59.141.703.811	150.500.568.920
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(99.685.362.361)	(106.559.061.404)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.688.084.437)	(14.534.012.317)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(59.231.742.987)	29.407.495.199
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(24.133.068.973)	504.977.021
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.01	48.704.940.463	48.140.989.321
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(6.779.620)	58.974.121
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.01	24.565.091.870	48.704.940.463

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2020







Tổng Giám đốc



Tăng Thị Thu Hiền

Trương Minh Sơn

Phạm Hữu Sơn

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Lịch sử phát triển

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 4898/QĐ-TCCB-LĐ ngày 27/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, hoạt động với tên gọi Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải.

Theo Quyết định số 782/QĐ-BGTVT ngày 09/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải được chuyển đổi thành Công ty mẹ trên cơ sở tổ chức lại bao gồm Cơ quan Văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc là Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1765/QĐ - BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 25/06/2010, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100107839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 09 năm 2010.

Trong năm 2014, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải đã hoàn thành cổ phần hóa, chính thức chuyển thành Công ty cổ phần với tên giao dịch mới là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100107839 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP**

Tên giao dịch quốc tế: **TRANSPORT ENGINEERING DESIGN INCORPORATED**

Tên giao dịch viết tắt: **TEDI**

Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty:

Địa chỉ: Số 278 phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4).38514431

Fax: (84-4).38514980

E-mail: tedi@tedi.com.vn

Website: www.tedi.com.vn

Người đại diện theo pháp luật : Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ và hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tư vấn thiết kế GTVT - CTCP là 125 tỷ đồng, trong đó:

- Cổ đông là tổ chức bao gồm:
 - Cổ đông trong nước, Công ty Cổ phần xử lý nền và xây dựng FECON nắm giữ 9,35%;
 - Cổ đông nước ngoài, Công ty Oriental Consultants Global Co., nắm giữ 20,262%;
 - Trans Across VP Inc. nắm giữ 0,256%
 - Công đoàn Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP nắm giữ 0,28%;
- Ông Phạm Hữu Sơn nắm giữ 8,5%
- Ông Phạm Trung Thành nắm giữ 20,76%;
- Cổ đông khác nắm giữ 40,59% vốn điều lệ.

Báo cáo tài chính riêng này được tổng hợp từ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của 03 đơn vị sau:

- Văn phòng Tổng Công ty;
- Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng;
- Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Từ ngày 03 tháng 06 năm 2014, sau khi hoàn thành cổ phần hóa Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải chuyển đổi thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 02 tháng 10 năm 2017 thì ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP bao gồm:

Văn phòng Tổng Công ty và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

1. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết:
 - Thí nghiệm vật liệu xây dựng và các chỉ tiêu về địa chất, thủy văn, môi trường và công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Kiểm định chất lượng, thử tải các công trình giao thông dân dụng và công nghiệp.
2. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
 - Khảo sát giao thông, phân tích và lập hồ sơ dự báo giao thông vận tải; khảo sát, lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường và công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Nghiên cứu ứng dụng, xây dựng thực nghiệm và đào tạo chuyển giao công nghệ mới các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
3. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
 - Thiết kế xây dựng công trình cầu, hầm, đường bộ.
 - Thiết kế công trình cảng - đường thủy.
 - Thiết kế công trình đường sắt, đường bộ.
 - Thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật.
 - Thiết kế quy hoạch xây dựng, Thiết kế kiến trúc công trình.
 - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
 - Khảo sát địa hình, Khảo sát địa chất công trình.
 - Thiết kế địa kỹ thuật công trình xây dựng.
 - Khảo sát thủy văn môi trường.
 - Thiết kế lắp đặt thiết bị điện chiếu sáng công trình giao thông.
 - Thiết kế lắp đặt hệ thống mạng thông tin liên lạc trong công trình xây dựng.
 - Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng.
 - Thiết kế phương tiện vận tải đường sắt.
 - Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
 - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, hầm, đường bộ.
 - Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình xây dựng.
 - Đầu tư, quản lý, kinh doanh khai thác các dự án giao thông, dân dụng và công nghiệp.
 - Tư vấn đầu tư, xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư các dự án đầu tư xây dựng và đánh giá đầu tư các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn và xây lắp, lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán chi tiết công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Tư vấn lập hồ sơ đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, phương án tổng thể giải phóng mặt bằng và tái định cư, kế hoạch quản lý môi trường, kế hoạch hành động tái định cư; báo cáo xã hội, báo cáo dân tộc thiểu số của các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Tư vấn thẩm tra sự án đầu tư, dự án quy hoạch, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
 - Tư vấn giám sát đầu tư, tư vấn giám sát nhà nước, tư vấn giám sát và quan trắc môi trường.
 - Tư vấn đánh giá và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng các công trình giao thông dân dụng và công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

4. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
5. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết:
 - Khai thác, quản lý, vận hành các dịch vụ phục vụ tòa nhà, khu chung cư, công trình công nghiệp, dân dụng.
6. In ấn.
7. Dịch vụ đóng gói: Đóng gói hồ sơ tài liệu.
8. Dịch vụ ăn uống khác.
9. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết:
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh thiết bị máy móc chuyên ngành phục vụ khảo sát thiết kế.
10. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân bổ vào đâu
Chi tiết:
 - Kinh doanh xuất, nhập khẩu các thiết bị máy móc chuyên ngành phục vụ khảo sát thiết kế.
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
11. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết : Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng
12. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống)
13. Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
14. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết:
 - Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động
 - Bảo dưỡng thông thường
 - Sửa chữa thân xe
 - Sửa chữa các bộ phận của ô tô
 - Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn
 - Sửa tấm chắn và cửa sổ
 - Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô
 - Sửa chữa, bơm và săm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế
 - Xử lý chống gỉ
15. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
16. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
17. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
18. Kho bãi và lưu trữ hàng hóa
19. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
20. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
21. Cho thuê xe có động cơ

Các hoạt động chính Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng

1. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết:

- Thiết kế xây dựng công trình cầu, hầm, đường bộ.
- Thiết kế công trình cảng - đường thủy.
- Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, Thiết kế kiến trúc công trình.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
- Khảo sát địa hình, Khảo sát địa chất công trình.
- Thiết kế địa kỹ thuật công trình xây dựng.
- Khảo sát thủy văn môi trường.
- Thiết kế lắp đặt thiết bị điện chiếu sáng công trình giao thông.
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV, thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp.
- Thiết kế lắp đặt hệ thống mạng thông tin liên lạc trong công trình xây dựng.
- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng.
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, hầm, đường bộ.
- Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình xây dựng.
- Tư vấn đầu tư, xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư các dự án đầu tư xây dựng và đánh giá đầu tư các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn và xây lắp; Lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, dự án quy hoạch, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.

2. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

Chi tiết:

- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và các chỉ tiêu về địa chất, thủy văn, môi trường các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.
- Kiểm tra chất lượng, thử tải các công trình giao thông dân dụng và công nghiệp.

3. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác nhau chưa được phân vào đâu. Chi tiết:

- Nghiên cứu ứng dụng, xây dựng thực nghiệm và đào tạo chuyển giao công nghệ mới các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.

4. Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, chi nhánh chỉ hoạt động khi áp dụng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Tổng Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu
I	Công ty con		
1	Công ty CP TVTK Cầu Đường	Tư vấn xây dựng và kiểm định chất lượng các công trình Giao thông	50,96%
2	Công ty CP TVTK Đường Bộ	Tư vấn XD các công trình giao thông	51,00%
3	Công ty CP TVXD Cảng - Đường thủy	Tư vấn xây dựng các công trình Cảng - Đường thủy	51,00%
4	Công ty CP TVTK Kiểm định và Địa kỹ thuật	Tư vấn xây dựng và kiểm định chất lượng các công trình Giao thông	60,43%
5	Công ty CP TVTK Cầu lớn - Hầm	Tư vấn XD các công trình giao thông	51,00%
6	Công ty CP TVTK XD Giao thông thủy	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,60%
7	Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 2	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,00%
8	Công ty CP TVTK Giao thông Vận tải 4	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,00%
9	Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 5	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	51,00%
10	Công ty Tư vấn Công trình Châu Á Thái Bình Dương	Thực hiện các dịch vụ tư vấn kỹ thuật cho các dự án giao thông, thủy lợi, xây dựng dân dụng và các dự án khác	67,258%
11	Công ty TNHH Tư vấn Toàn cầu TEDI	Thiết kế, quản lý xây dựng và các dịch vụ liên quan khác	100,00%
II	Đơn vị trực thuộc		
1	Công ty TVTK Kiến trúc Xây dựng	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	
2	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn xây dựng các công trình giao thông	

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tại ngày 31/12/2019.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31/12/2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - TK 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2019	Ngân hàng BIDV	23.110 VND/USD	23.230 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo Hợp đồng, khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do chi phí dở dang các công trình theo đánh giá không có khả năng được chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013; Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC về trích khấu hao tài sản cố định hiệu lực từ 28/11/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng, và trích khấu hao TSCĐ.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá và khấu hao Tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt theo Quyết định 3163/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 10 năm 2013.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

b. Phương pháp khấu hao

Sau khi cổ phần hóa, Tổng Công ty thực hiện đăng ký lại phương pháp trích khấu hao và khung thời gian khấu hao tài sản cố định theo công văn số 3001/TEDI-TCKT ngày 11/7/2014.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5-50
Máy móc và thiết bị	3-20
Phương tiện vận tải	6-30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10
Tài sản cố định hữu hình khác	4-25
Tài sản cố định vô hình	
Phần mềm tin học	3-8
Tài sản cố định vô hình khác	2-20

Đối với những tài sản cố định được đánh giá lại khi chuyển từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần tại thời điểm 31/12/2012, Tổng Công ty áp dụng theo công thức:

$$\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới 100\% (hoặc của TSCĐ tương đương trên thị trường)}} \times \text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ mới cùng loại}$$

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm

đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí trích trước tiền lương nhân viên
- Chi phí thuê phụ trích trước trên cơ sở các công trình đã có nghiệm thu khối lượng và ghi nhận doanh thu dẫn tới kết chuyển chi phí giá vốn tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Tổng Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết. Chênh lệch đánh giá lại tài sản: Phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch ở doanh nghiệp. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm dở dang.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng công ty.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trong kỳ, Tổng Công ty phát sinh khoản giảm trừ doanh thu của một số công trình do công trình bị cắt giảm giá trị đầu tư sau kiểm toán theo Thông báo của Chủ đầu tư.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng bộ phận kinh doanh chính của Tổng Công ty là tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát các công trình giao thông trên cùng khu vực địa lý là Việt nam, tổng doanh thu của các bộ phận thuộc lĩnh vực khác hoặc từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ ra ngoài khu địa lý Việt Nam chiếm tỷ trọng không đáng kể so với tổng doanh thu của tất cả bộ phận. Do đó Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền	24.265.091.870	38.704.940.463
Tiền mặt	3.027.783.327	3.163.147.057
- Tiền mặt VND	2.980.962.467	3.116.245.157
- Tiền mặt ngoại tệ	46.820.860	46.901.900
Tiền gửi ngân hàng	21.237.308.543	35.541.793.406
- Tiền gửi VND	21.218.919.799	35.465.589.393
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	14.724.238.472	28.857.148.705
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	40.944.497	41.126.419
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đồng Đa	22.016.612	83.805.536
Ngân hàng BIDV Bến Thành	2.861.470	10.390.451
Ngân hàng Liên Việt Thăng Long	26.981.550	8.576.580
Ngân hàng TMCP Quân đội	6.392.151.962	6.395.371.651
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh	1.347.098	1.340.528
Ngân hàng TMCP Việt Á	3.884.533	1.001.359
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	4.493.605	66.828.164
- Tiền gửi ngoại tệ	18.388.744	76.204.013
Ngân hàng Liên Việt Thăng Long	7.164	7.177
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.694.133	54.320.086
Ngân hàng TMCP Quân đội	12.020.898	21.876.750
Ngân hàng TMCP Quân đội (JPY)	2.666.549	-
Các khoản tương đương tiền	300.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	300.000.000	10.000.000.000
Cộng	24.565.091.870	48.704.940.463

5.02 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Đơn vị: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCGP
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5.02 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	Đơn vị: VND	
	31/12/2019	01/01/2019
	Tỷ lệ	
	Vốn năm giữ	Quyền biên quyết
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty CP TVTK XD Giao thông thủy	51,60%	51,60%
Công ty CP TVTK Kiểm định và Địa kỹ thuật	60,43%	60,43%
Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 2	51,00%	51,00%
Công ty CP TVTK Giao thông Vận tải 4	51,00%	51,00%
Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 5	51,00%	51,00%
Công ty CP Tư vấn XDCT Giao thông 7	59,00%	59,00%
Công ty CP TVTK Cầu lớn - Hầm	51,00%	51,00%
Công ty CP TVTK Đường Bộ	51,00%	51,00%
Công ty CP TVTK Cầu Đường	50,96%	50,96%
Công ty CP TVXD Cảng - Đường thủy	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Toàn cầu TEDI	100%	100%
Công ty Tư vấn CT Châu Á Thái Bình Dương	67,00%	67,00%
Cộng		
	56.929.043.495	59.052.170.155 (1.205.000.000)

(*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31/12/2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các công ty con chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31/12/2019. Hoạt động kinh doanh tại các công ty con trong các năm tài chính đều có lợi nhuận, do đó Tổng công ty xem xét không trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5.03 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
CTY TNHH BT Ngã ba Huế - Trung Nam	3.356.999.155	3.356.999.155
Công ty CP đầu tư Cầu Mỹ Lợi	4.077.457.890	4.077.457.890
Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	15.722.654.000	-
Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	9.536.673.342	8.368.549.002
Tổng công ty phát triển hạ tầng và đầu tư tài chính Việt Nam - Công ty cổ phần	3.433.484.163	3.433.484.163
Công ty TNHH tập đoàn BITECO	7.840.879.898	-
Công ty CP Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	24.572.805	4.403.644.056
Trung tâm quản lý đường hầm sông Sài Gòn	504.975.700	3.029.854.000
Ban quản lý dự án 3	46.214.000	3.941.297.406
Phải thu khách hàng khác	41.785.205.037	34.275.817.450
Cộng	86.329.115.990	64.887.103.122
Trong đó: Phải thu bên liên quan	5.894.287.382	5.633.693.749
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	1.727.573.519	2.158.559.003
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	1.068.581.588	985.248.184
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	1.256.290.714	421.314.246
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	152.566.500	190.302.800
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	400.989.661	547.678.055
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	29.589.200	37.324.100
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 2	594.256.600	617.450.580
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	48.375.800	66.169.500
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 5	304.927.500	126.967.800
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	-	346.335.381
Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương	311.136.300	136.344.100

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**5.04 Trả trước người bán ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	3.408.850.000	1.648.000.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông công chính Hải Phòng	2.950.000.000	1.650.000.000
Công ty CP thiết kế xây dựng giao thông 123	2.400.000.000	-
Công ty CP Tư vấn quốc tế Giao thông vận tải	2.645.040.000	1.500.000.000
Công ty TNHH TM và XD Trung Chính	-	2.400.000.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	-	2.580.000.000
Ứng trước người bán khác	14.625.934.472	12.851.280.966
Cộng	26.029.824.472	22.629.280.966
Trong đó: Ứng trước bên liên quan	6.462.063.472	5.285.969.007
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	3.435.350.000	1.648.000.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	1.200.000.000	700.000.000
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	500.000.000	500.000.000
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	607.969.007	1.307.969.007
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	81.600.000	-
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 2	379.250.000	30.000.000
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	257.894.465	1.100.000.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	-	2.580.000.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5.05 Phải thu khác

Đơn vị: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng	11.450.752.227	-	8.933.541.442	-
Cầm cố ký quỹ, ký cược	31.600.000	-	31.600.000	-
Phải thu Thuế TNCN	1.296.084.107	-	502.920.564	-
Phải thu BHXH	252.746.300	-	-	-
Công ty CP tư vấn XD công trình GT 7	1.690.185.809	845.000.000	1.867.185.809	-
Phải thu các bên liên quan	3.420.823.029	-	3.833.007.424	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.620.848.395	-	717.815.623	-
Cộng	19.763.039.867	845.000.000	15.886.070.862	-
Phải thu khác Bên liên quan	3.420.823.029	-	3.833.007.424	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	183.997.304	-	315.723.266	-
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	-	-	568.550.000	-
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	1.234.006.416	-	1.015.561.318	-
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	8.000.000	-	9.115.000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	301.425.458	-	108.175.000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	1.209.742.037	-	1.482.919.495	-
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	10.000.000	-	96.049.000	-
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	8.000.000	-	-	-
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	220.676.817	-	43.900.000	-
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	236.974.997	-	179.904.345	-
Công ty Tư vấn công trình Châu á Thái Bình Dương	8.000.000	-	13.110.000	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****5.06 Hàng tồn kho***Đơn vị: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	151.094.809.825	-	132.927.731.388	-
Cộng	151.094.809.825	-	132.927.731.388	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT-CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5.07 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2019	87.805.691.007	19.505.219.045	15.899.249.960	5.174.507.519	415.887.591	128.800.555.122
Tăng trong năm	-	83.480.000	459.375.646	1.056.865.433	-	1.599.721.079
Mua trong năm	-	83.480.000	459.375.646	1.056.865.433	-	1.599.721.079
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	87.805.691.007	19.588.699.045	16.358.625.606	6.231.372.952	415.887.591	130.400.276.201
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2019	45.873.072.134	15.374.412.658	11.052.389.960	3.266.727.730	415.887.591	75.982.490.073
Tăng trong năm	1.928.091.499	1.206.164.545	977.752.821	784.134.375	-	4.896.143.240
Khấu hao trong năm	1.928.091.499	1.206.164.545	977.752.821	784.134.375	-	4.896.143.240
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	47.801.163.633	16.580.577.203	12.030.142.781	4.050.862.105	415.887.591	80.878.633.313
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2019	41.932.618.873	4.130.806.387	4.846.860.000	1.907.779.789	-	52.818.065.049
Tại ngày 31/12/2019	40.004.527.374	3.008.121.842	4.328.482.825	2.180.510.847	-	49.521.642.888

(*): Năm 2016, Văn phòng Công ty bán thanh lý cho Công ty Tư vấn Thiết kế Kiến trúc Xây dựng xe ô tô Toyota CAMRY 2.4G (29U - 4744), nguyên giá 1.093.000.000 đồng với giá bán 200.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Năm 2019, chi phí khấu hao loại trừ do ảnh hưởng giao dịch nội bộ trên là 34.091.138 đồng.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**5.08 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	6.065.379.327	6.065.379.327
Tăng trong năm	116.490.000	116.490.000
Mua trong năm	116.490.000	116.490.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>6.181.869.327</u>	<u>6.181.869.327</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	4.231.269.906	4.231.269.906
Tăng trong năm	681.048.238	681.048.238
Khấu hao trong năm	681.048.238	681.048.238
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>4.912.318.144</u>	<u>4.912.318.144</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2019	<u>1.834.109.421</u>	<u>1.834.109.421</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u>1.269.551.183</u>	<u>1.269.551.183</u>

5.09 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ dụng cụ chờ kết chuyển	2.070.896.662	1.655.870.233
Chi phí chờ kết chuyển	1.337.803.864	2.799.378.247
Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	3.132.784.331	3.842.093.995
Chi phí sửa chữa chờ kết chuyển	321.181.523	666.038.481
Cộng	<u>6.862.666.380</u>	<u>8.963.380.956</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	3.911.023.650	3.911.023.650	3.674.228.500	3.674.228.500
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	2.458.924.200	2.458.924.200	8.536.708.200	8.536.708.200
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng	4.437.958.000	4.437.958.000	-	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng	2.051.478.000	2.051.478.000	56.478.000	56.478.000
Công ty CP thiết kế xây dựng giao thông	2.683.094.649	2.683.094.649	56.508.100	56.508.100
Công ty TNHH TM và XD Trung Chính	2.030.399.397	2.030.399.397	-	-
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình	15.640.000	15.640.000	1.842.719.000	1.842.719.000
Phải trả NCC ngắn hạn khác	8.894.936.929	8.894.936.929	11.397.149.974	11.397.149.974
Cộng	26.483.454.825	26.483.454.825	25.563.791.774	25.563.791.774
Phải trả: Bên liên quan	11.327.508.537	11.327.508.537	18.371.632.049	18.371.632.049
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	99.410.000	99.410.000	148.410.000	148.410.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	3.911.023.650	3.911.023.650	3.674.228.500	3.674.228.500
Công ty CP tư vấn XD Cảng đường thủy	634.397.600	634.397.600	533.458.600	533.458.600
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	696.919.000	696.919.000	885.357.000	885.357.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	1.031.236.000	1.031.236.000	995.507.664	995.507.664
Công ty CP TVTK XD giao thông thủy	1.189.320.000	1.189.320.000	-	-
Công ty CP tư vấn XD công trình GT 2	809.969.000	809.969.000	809.969.000	809.969.000
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	466.398.087	466.398.087	608.635.085	608.635.085
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	587.942.000	587.942.000	2.179.358.000	2.179.358.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	1.900.893.200	1.900.893.200	8.536.708.200	8.536.708.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ban quản lý dự án 7	17.259.459.723	174.779.388
Ban quản lý dự án 85	10.244.000.000	4.700.000.000
Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh	6.059.600.000	-
Ban quản lý dự án Thăng Long	6.840.931.105	-
Công ty CP Him Lam - Chi nhánh Hà Nội	20.914.263.600	20.914.263.600
Sở giao thông vận tải Ninh Bình	10.249.581.000	-
Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Vân Đồn	17.700.000.000	10.000.000.000
Ban quản lý dự án 6	29.967.094.107	8.462.000
Công ty CP đầu tư xây dựng Trung Nam	6.366.000.000	6.366.000.000
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông TP Hà Nội	7.164.959.000	625.348.000
Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	10.736.495.000
Người mua ứng trước khác	53.883.176.897	56.926.869.186
Cộng	186.649.065.432	110.452.217.174
Trong đó: Người mua ứng trước Bên liên quan	1.024.500.000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	140.800.000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	244.800.000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	488.100.000	-
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	150.800.000	-

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nội dung	01/01/2019		Số phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế giá trị gia tăng	3.902.485.382	-	18.997.981.580	21.693.085.335	1.207.381.627	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	137.355.803	-	3.195.300.285	2.331.759.266	1.000.896.822	-
Thuế thu nhập cá nhân	219.328.761	-	4.380.961.133	3.912.935.665	687.354.229	-
Thuế nhà thầu	-	-	632.851.572	632.851.572	-	-
Thuế nhà đất	-	-	54.173.593	54.173.593	-	-
Tiền thuê đất	-	-	3.287.982.191	3.287.982.191	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	90.855.272	90.855.272	-	-
Cộng	4.259.169.946	-	30.645.105.626	32.008.642.894	2.895.632.678	-

Đơn vị: VND

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí thầu phụ trích trước	35.565.482.176	38.018.939.735
Cộng	35.565.482.176	38.018.939.735

5.14 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả khác ngắn hạn	10.703.605.916	13.816.244.079
Kinh phí công đoàn	6.850.000	138.383.060
Bảo hiểm xã hội	-	7.680.989
Các phòng ban Công ty	6.974.395.303	5.572.365.208
Phải trả cổ tức	70.300.000	3.312.359.923
Công ty CP ô tô Thành An Long Biên	420.000.000	420.000.000
Phải trả tiền thu hộ	2.251.623.654	3.896.417.880
Phải trả khác ngắn hạn	980.436.959	469.037.019
Phải trả khác dài hạn	1.156.454.628	1.191.194.628
Nhận ký quỹ, ký cược	1.156.454.628	1.191.194.628
Cộng	11.860.060.544	15.007.438.707

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT-CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	Đơn vị: VND			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	15.310.689.719	15.310.689.719	61.037.183.811	97.116.490.361
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (1)	9.532.649.719	9.532.649.719	11.439.881.776	11.792.955.326
Vay ngắn hạn	9.471.117.089	9.471.117.089	9.471.117.089	-
Vay thấu chi	61.532.630	61.532.630	1.968.764.687	11.792.955.326
Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	3.778.040.000	3.778.040.000	47.700.022.035	45.315.055.035
Vay ngắn hạn	3.778.040.000	3.778.040.000	3.778.040.000	-
Vay thấu chi	-	-	43.921.982.035	45.315.055.035
Vay cá nhân (3)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	15.900.000.000
Công ty OCG (4)	-	-	1.897.280.000	24.108.480.000
Vay dài hạn	-	-	-	2.568.872.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	2.568.872.000
Cộng	15.310.689.719	15.310.689.719	61.037.183.811	99.685.362.361
				53.958.868.269
				53.958.868.269

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/134643/HĐTD ngày 22/07/2019, hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa 110.000.000.000 đồng, mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn 12 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 16556.19.051.1318276.TD ngày 07/06/2019, hạn mức tối đa 130.000.000.000 đồng, mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn 12 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân.

(3) Các hợp đồng vay cá nhân bỏ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 12 tháng.

(4) Hợp đồng vay công ty OCG, HĐ ký ngày 30/11/2018 giá trị: 110.000.000 JPY, chênh lệch tỷ giá thực hiện tại ngày thanh toán: 1.897.280.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT-CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Cộng
Số dư tại 01/01/2018	125.000.000.000	-	815.232.000	28.113.912.563	153.929.144.563
Tăng trong năm	-	-	-	19.395.542.811	19.395.542.811
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	19.395.542.811	19.395.542.811
Giảm trong năm	-	-	-	28.113.912.563	28.113.912.563
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.863.912.563	6.863.912.563
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	21.250.000.000	21.250.000.000
Số dư tại 31/12/2018	125.000.000.000	-	815.232.000	19.395.542.811	145.210.774.811
Số dư tại 01/01/2019	125.000.000.000	-	815.232.000	19.395.542.811	145.210.774.811
Tăng trong năm	-	-	-	22.203.467.155	22.203.467.155
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	22.203.467.155	22.203.467.155
Giảm trong năm	-	-	-	18.533.509.000	18.533.509.000
Chia cổ tức	-	-	-	16.281.181.012	16.281.181.012
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.252.327.988	2.252.327.988
Số dư tại 31/12/2019	125.000.000.000	-	815.232.000	23.065.500.966	148.880.732.966

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP xử lý nền và xây dựng FECON	1.168.750	9,35%	1.168.750	9,35%
Oriental Consultant Company Global Ltd.	2.532.750	20,26%	2.532.750	20,26%
Trans Across VP Inc.	32.000	0,26%	32.000	0,26%
Ông Phạm Hữu Sơn	1.062.350	8,50%	1.062.350	8,50%
Ông Phạm Trung Thành	2.595.300	20,76%	2.595.300	20,76%
Cổ đông tổ chức công đoàn	35.000	0,28%	35.000	0,28%
Cổ đông khác	5.073.850	40,59%	5.073.850	40,59%
Cộng	12.500.000	100,00%	12.500.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	125.000.000.000	125.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	18.533.509.000	28.113.912.563

d. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	367.978.748.210	304.223.836.956
Doanh thu cung cấp dịch vụ	367.978.748.210	304.223.836.956
Giảm trừ doanh thu	959.184.201	1.270.926.906
Giảm trừ doanh thu công trình	959.184.201	1.270.926.906
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	367.978.748.210	304.223.836.956

6.02 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	287.364.047.783	229.680.909.373
Cộng	287.364.047.783	229.680.909.373

6.04 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.836.771.908	1.447.536.378
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.825.458.600	11.253.186.020
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	58.974.121
Cộng	13.662.230.508	12.759.696.519

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

6.05 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	2.797.423.936	2.187.324.430
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.904.059.620	22.269.284
Chi phí dự phòng	-	1.205.000.000
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(4.430.340)	-
Cộng	4.697.053.216	3.414.593.714

6.06 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.845.594.394	17.908.252.500
Chi phí vật liệu quản lý	1.946.182.512	1.461.611.021
Chi phí đồ dùng văn phòng	706.646.487	863.544.730
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.174.824.720	3.771.004.488
Thuế phí và lệ phí	3.890.700.130	3.067.572.253
Chi phí dự phòng	2.243.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.040.502.408	6.299.967.634
Chi phí bằng tiền khác	26.275.665.752	27.539.487.259
Cộng	63.123.116.403	60.911.439.885

6.07 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác	331.065.752	936.328.219
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	50.000.000
Thực hiện đề tài	296.682.000	859.160.000
Phí chuyển nhượng cổ phần	-	23.641.000
Thu nhập khác	-	3.527.219
Thu nhập khác	34.383.752	-
Chi phí khác	423.057.094	919.018.887
Thực hiện đề tài	296.682.000	859.160.000
Chi phí phạt	90.011.458	59.858.887
Chi phí khác	36.363.636	-
Lợi nhuận khác	(91.991.342)	17.309.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

6.08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.405.585.773	21.722.972.929
-Thu nhập không chịu thuế TNDN	(10.825.458.600)	(11.253.186.020)
-Điều chỉnh hợp cộng	(34.091.664)	(34.091.664)
-Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	766.604.324	833.119.636
Tổng thu nhập chịu thuế	15.312.639.833	11.268.814.881
Thuế TNDN hiện hành (20%)	3.062.527.967	2.253.762.976
Thuế TNDN năm trước	132.772.318	66.848.809
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	3.195.300.285	2.320.611.785

6.09 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.048.718.069	13.846.420.406
Chi phí nhân công	99.445.196.680	88.701.066.001
Chi phí BHXH, BHYT, KPCD	4.888.947.524	4.105.301.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.497.191.474	6.238.174.869
Chi phí dự phòng	2.243.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.288.545.324	34.316.054.402
Chi phí khác bằng tiền	57.225.508.713	58.737.879.007
Chi phí thầu phụ	139.017.134.839	86.269.133.225
Cộng	368.654.242.623	292.214.029.030

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Các giao dịch bán (cung cấp dịch vụ) đối với các Công ty con:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các giao dịch bán (TK 511- HĐ dịch vụ)	1.389.013.182	1.666.477.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	94.873.000	107.103.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	261.935.000	251.439.000
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	96.904.000	205.580.000
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	40.164.000	60.351.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	237.987.000	269.364.000
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	44.172.000	53.931.000
Công ty CP Tư vấn XD công trình giao thông 2	267.506.000	284.635.000
Công ty CP Tư vấn XD công trình giao thông 4	36.551.182	89.245.000
Công ty CP Tư vấn XD công trình giao thông 5	150.019.000	172.698.000
Công ty Tư vấn công trình Châu á Thái Bình Dương	158.902.000	172.131.000
Các giao dịch bán (TK 511- cho thuê trụ sở)	5.613.759.347	5.803.007.969
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	869.372.546	989.903.772
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	1.583.272.672	1.562.981.764
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	1.891.723.618	1.854.381.555
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	38.181.818	49.454.546
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	254.545.455	262.400.000
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	873.367.418	877.294.691
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	103.295.820	206.591.641
Các giao dịch bán (TK 511-điện nước)	1.682.736.906	1.647.285.947
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	169.118.142	178.374.578
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	302.495.535	264.529.922
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	149.196.339	291.844.246
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	1.018.578.545	752.279.668
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	43.348.345	160.257.533
Các giao dịch bán (TK 511-xưởng hồ sơ)	194.665.445	601.812.000
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	21.184.400	601.812.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	8.503.500	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	22.098.000	-
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	11.762.545	-
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	131.117.000	-
Các giao dịch bán (TK 511-Doanh thu đứng đầu liên doanh)	191.535.455	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	191.535.455	-
Cộng giao dịch bán (TK 511)	9.071.710.335	9.718.582.916

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT-CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**Mẫu B 09-DN****7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****7.2 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)***b) Các giao dịch cho vay, nhận cổ tức đối với các Công ty con:*

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các giao dịch bán (TK 515- Cổ tức)	9.145.458.600	9.573.186.020
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	1.377.000.000	1.683.000.000
Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương	1.267.150.000	1.116.800.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	184.487.600	138.365.700
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	1.377.000.000	1.530.000.000
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	876.894.400	876.894.400
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	447.508.600	260.605.920
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	-	216.720.000
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	1.224.000.000	1.530.000.000
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	430.950.000	563.550.000
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	1.300.500.000	1.262.250.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	659.968.000	395.000.000
Cộng các giao dịch bán (TK 515 - Cổ tức)	9.145.458.600	9.573.186.020

c) Các giao dịch mua đối với các Công ty con:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các giao dịch mua (TK 331 - Chia thầu)	50.715.126.409	45.756.402.686
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	8.015.312.435	2.458.833.818
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	5.251.146.257	8.217.743.636
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	2.816.189.090	3.406.298.181
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	4.882.991.778	2.459.137.321
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	4.920.400.000	2.852.830.000
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	2.551.280.908	193.426.909
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	1.732.089.090	(54.633.636)
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	10.018.839.577	3.429.639.094
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	2.486.133.636	-
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	7.726.651.820	21.543.113.727
Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương	314.091.818	1.250.013.636
Cộng	50.715.126.409	45.756.402.686

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

d) Công nợ phải thu đối với các Công ty con:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng (Dư nợ TK 131)	5.894.287.382	5.633.693.749
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	1.727.573.519	2.158.559.003
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	1.068.581.588	985.248.184
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	1.256.290.714	421.314.246
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	152.566.500	190.302.800
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	400.989.661	547.678.055
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	29.589.200	37.324.100
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 2	594.256.600	617.450.580
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	48.375.800	66.169.500
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 5	304.927.500	126.967.800
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	-	346.335.381
Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương	311.136.300	136.344.100
Trả trước cho người bán (Dư nợ TK 331)	6.462.063.472	7.865.969.007
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	3.435.350.000	1.648.000.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	1.200.000.000	700.000.000
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	500.000.000	500.000.000
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	607.969.007	1.307.969.007
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	81.600.000	-
Công ty CP tư vấn XD công trình giao thông 2	379.250.000	30.000.000
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	257.894.465	1.100.000.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	-	2.580.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Dư nợ TK 1388)	3.420.823.029	3.833.007.424
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	183.997.304	315.723.266
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	-	568.550.000
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	1.234.006.416	1.015.561.318
Công ty CP TVTK xây dựng giao thông thủy	8.000.000	9.115.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	301.425.458	108.175.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	1.209.742.037	1.482.919.495
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	10.000.000	96.049.000
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	8.000.000	-
Công ty CP tư vấn xây dựng Cảng đường thủy	220.676.817	43.900.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	236.974.997	179.904.345
Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương	8.000.000	13.110.000
Cộng các khoản phải thu	15.777.173.883	17.332.670.180

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

e) Công nợ phải trả đối với các Công ty con:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả người bán ngắn hạn (Dư có TK 331)	11.327.508.537	18.371.632.049
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	99.410.000	148.410.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	3.911.023.650	3.674.228.500
Công ty CP tư vấn XD Cảng đường thủy	634.397.600	533.458.600
Công ty CP TVTK Kiểm định và địa kỹ thuật	696.919.000	885.357.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	1.031.236.000	995.507.664
Công ty CP TVTK XD giao thông thủy	1.189.320.000	-
Công ty CP tư vấn XD công trình GT 2	809.969.000	809.969.000
Công ty CP TVTK giao thông vận tải 4	466.398.087	608.635.085
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 5	587.942.000	2.179.358.000
Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu TEDI	1.900.893.200	8.536.708.200
Người mua trả trước (Dư có TK 131)	1.024.500.000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu đường	140.800.000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu lớn hầm	244.800.000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ	488.100.000	-
Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	150.800.000	-
Cộng các khoản phải trả	12.352.008.537	18.371.632.049

7.03 Thông tin về thu nhập, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương và thù lao HĐQT, BKS và Ban TGD	5.104.000.000	3.091.000.000

Thông tin về số lao động, quỹ lương người lao động và thu nhập bình quân

Nội dung	Năm 2019
Tổng số lao động bình quân (người)	516
Quỹ lương người lao động (đồng)	96.020.916.000
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	15.507.254

7.04 Thông tin về quản lý và sử dụng đất

Khu đất	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng	Đơn vị quản lý	Số Hợp đồng	Ngày tháng	Nội dung
Khu đất tại ngõ 278, phố Tôn Đức Thắng, P Hàng Bột, Q. Đống Đa	5533	Trụ sở làm việc	Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội	Số 708/HĐTĐ	25/08/2016	Hợp đồng thuê đất (thời gian thuê 50 năm từ 01/01/1996)
Khu đất tại số 10 phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	2581	Trụ sở làm việc	Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội	Số 301/HĐTĐ	29/07/2015	Hợp đồng thuê đất (thời gian thuê 50 năm từ 06/01/2014)
Khu đất tại 237 Lương Thế Vinh, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	1357	Trụ sở làm việc	Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội	279/HĐTĐ	17/07/2015	Hợp đồng thuê đất (50 năm từ ngày 15/10/1993)
Khu đất số 15 (bên phải) và 9/4 Hoàng Hoa Thám, P6, Q. Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	322,9	Trụ sở làm việc	Sở tài nguyên và MT	7188/HĐ-TNMT-QLSDĐ	09/10/2014	Hợp đồng thuê đất (thời gian thuê 50 năm từ 19/12/2008)

7.05 Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.565.091.870	48.704.940.463
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.092.155.857	80.773.173.984
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn	56.929.043.495	57.847.170.155
Tổng cộng	217.586.291.222	197.325.284.602
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	15.310.689.719	53.958.868.269
Phải trả người bán và phải trả khác	38.343.515.369	40.571.230.481
Chi phí phải trả	35.565.482.176	38.018.939.735
Tổng cộng	89.219.687.264	132.549.038.485

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**7.05 Công cụ tài chính (tiếp theo)****Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá hàng hoá:

Chi phí nhân công chiếm tỷ lệ hơn 50% giá thành của Tổng Công ty, chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ lệ nhỏ, do đó Tổng Công ty ít chịu rủi ro thay đổi về giá của các nguyên vật liệu, hàng hoá đầu vào.

Quản lý rủi ro về tỷ giá:

Tổng Công ty trong năm phát sinh một số các giao dịch bằng ngoại tệ nhưng không lớn, do đó Tổng Công ty có thể gặp rủi ro nhưng không đáng kể khi tỷ giá có sự biến động.

Quản lý rủi ro về lãi suất:

Trong năm Tổng Công ty chỉ phát sinh các khoản vay ngắn hạn, do đó việc biến động về lãi suất trong biên độ ngắn hạn có thể gây ảnh hưởng không đáng kể cho Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT-CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**Mẫu B 09-DN****7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****7.05 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	31/12/2019	
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.565.091.870	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.092.155.857	-
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	56.929.043.495
Tổng tài sản tài chính	160.657.247.727	56.929.043.495
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm
	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	37.187.060.741	1.156.454.628
Chi phí phải trả	35.565.482.176	-
Các khoản vay	15.310.689.719	-
Tổng công nợ tài chính	88.063.232.636	1.156.454.628
Chênh lệch thanh khoản thuần	72.594.015.091	55.772.588.867

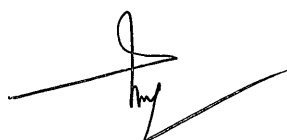
Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

7.06 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh cho Báo cáo tài chính riêng năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được lấy từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu


Tăng Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng


Trương Minh Sơn

Tổng Giám đốc


Phạm Hữu Sơn